

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Chợ Mới
- Gói thầu: Mua sắm trang phục cho nhân viên Trung tâm Y tế Chợ Mới
- Dự án/Dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho nhân viên Trung tâm Y tế Chợ Mới năm 2026
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh
- Thời hạn thực hiện: 90 ngày
- Địa điểm: Trung tâm Y tế Chợ Mới, tỉnh An Giang

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

- Sản phẩm may mặc phải đảm bảo mới 100%, sản xuất trong năm 2026 trở về sau.

- Nhà thầu khi dự thầu phải ghi rõ loại vải, nhãn hiệu, thành phần vải được sử dụng để may trang phục, có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT tại chương V.

- Nhà thầu cam kết chất liệu vải dùng để sản xuất ổn định về kết cấu và màu sắc: không bị co rút, không phai màu, không loang màu, không xù lông khi giặt ủi công nghiệp, cam kết am toàn không gây kích ứng da cho người sử dụng.

- Thông số kỹ thuật hàng hóa phải đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc có thông số kỹ thuật cao hơn, tốt hơn yêu cầu (đặc tính thông số kỹ thuật của E-HSMT là yêu cầu tối thiểu).

- Đáp ứng yêu cầu về bảo hành, bảo trì theo quy định của E-HSMT. Nhà thầu phải kê khai thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị dự thầu tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây (hoặc có thông số, tiêu chuẩn tốt hơn).

STT	Hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Áo Bác sĩ (Nam)	- Áo Blouse tay dài, cổ bẻ danton, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate

		ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mối 100%
2	Áo Bác sĩ (Nữ)	- Áo Blouse tay dài, cổ bẻ danton, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5

		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chông nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
3	Quần áo điều dưỡng (Nam)	- Áo Blouse tay ngắn, cổ kiểu 2 ve, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương 0,2cm - Chất liệu bền đẹp: Kate for 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi mông sau. - Chất liệu Kaki hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 206.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 200 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1952.3 \times 799.9 \pm 2$

		Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.5 \times 0.3 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.3 ± 0.5 Cotton 13.7 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mối 100%
4	Quần áo điều dưỡng, HS (Nữ)	- Áo Blouse tay ngắn, cổ kiểu 2 ve chân tròn, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương 0,2cm - Chất liệu: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.7 \times -1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - Quần: Quần âu, 2 túi chéo bên hông, không túi sau. - Chất liệu bền đẹp: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật:

		Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 248.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $460 \times 337 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.51 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1646.7 \times 1059.6 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.2 \times -1.5 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 75.2 ± 0.5 Rayon 22.6 ± 0.5 Spandex 2.2 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chồng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
5	Nhân viên hành chính (Nam)	- Áo sơ mi cổ Đức, cài cúc giữa, tay dài hoặc ngắn - Chất liệu bền đẹp: Kate, Kate mỹ hoặc tương đương màu sáng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 113.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $377 \times 307 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.19 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $648.1 \times 714.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.1 \times 0.0 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 82.7 ± 0.5

		Rayon 17.3 ± 0.5 - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
6	Nhân viên hành chính (Nữ)	- Áo sơ mi cổ Đức, cài cúc giữa, tay dài hoặc ngắn - Chất liệu bền đẹp: Kate, Kate mỹ hoặc tương đương, màu sáng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 113.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $377 \times 307 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.19 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $648.1 \times 714.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) – $1.1 \times 0.0 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 82.7 ± 0.5 Rayon 17.3 ± 0.5 - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
7	Dược sĩ (Nam)	- Áo Blouse tay dài, cổ kiểu 02 ve, cài cúc giữa, chiều dài ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2

		Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 671.3 x 764.9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - 1.7 x – 1.1 ±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chồng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
8	Dược sĩ (Nữ)	- Áo Blouse tay dài, cổ kiểu 02 ve, cài cúc giữa, chiều dài ngang gối, phía trước có 2 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 280 x 270 ±2 Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ±0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 671.3 x 764.9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - 1.7 x – 1.1 ±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều,

		không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
9	Kỹ thuật viên (Nam)	- Áo Blouse tay ngắn, cổ kiểu 02 ve, cài cúc giữa, chiều dài ngang hông, phía trước có 3 túi đắp - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.7 \times -1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - Quần âu 02 ly, 02 túi chéo, có 01 túi mỏ sau. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 206.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 200 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1952.3 \times 799.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.5 \times 0.3 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.3 ± 0.5

		Cotton 13.7 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
10	Kỹ thuật viên (Nữ)	- Áo Blouse tay ngắn, cổ kiểu 02 ve, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi đắp, chiều dài ngang hông. - Chất liệu bền đẹp: Kate ford 100% cotton, kate ford hoặc tương đương, màu trắng - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 160.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $280 \times 270 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.39 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $671.3 \times 764.9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) - $1.7 \times - 1.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.6 ± 0.5 Cotton 35.4 ± 0.5 - Quần âu 02 túi chéo bên hông, không túi sau. - Chất liệu bền đẹp: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 248.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (ĐọcxNgang) $460 \times 337 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.51 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (ĐọcxNgang) $1646.7 \times 1059.6 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (ĐọcxNgang) - $1.2 \times - 1.5 \pm 0.2$

		Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 75.2 ± 0.5 Rayon 22.6 ± 0.5 Spandex 2.2 ± 0.5 - In logo đơn vị (ngực trái) - May đo theo số đo từng nhân viên. - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chùng nổi chỉ, không bị đùn, không bung, không đứt. - Mới 100%
11	Nhân viên lái xe	- Áo kiểu budong, cổ Đức, cài cúc giữa, ngắn tay, lơ vè, có nẹp cầu vai, phía trước có 02 túi có nắp - Chất liệu bền màu xanh hòa bình đẹp: Kate ford hoặc tương đương, màu xanh hòa bình - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 158.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $287 \times 257 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $900.2 \times 764.8 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) - $1.6 \times -1.3 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.8 ± 0.5 Cotton 35.2 ± 0.5 - Quần âu 02 ly có túi mỏ sau, hai túi chéo bên hông - Chất liệu bền đẹp: Kaki hoặc tương đương, màu xanh đen - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 217.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 212 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2

		Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcNgang) $1815.4 \times 828.3 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcNgang) - $1.3 \times 0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.1 ± 0.5 Cotton 13.9 ± 0.5 - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chồng nổi chỉ, không bị dùn, không bung, không đứt - Mới 100%
12	Hộ lý	- Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, tay ngắn, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 02 túi - Quần lưng thun 1 túi đắp - Chất liệu bền đẹp: Kate ford hoặc tương đương, màu xanh hòa bình - Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 158.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcNgang) $287 \times 257 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcNgang) $900.2 \times 764.8 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcNgang) - $1.6 \times - 1.3 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 64.8 ± 0.5 Cotton 35.2 ± 0.5 - In Logo đơn vị - Kỹ thuật may, vắt cao: Đường kim mũi chỉ đều, không bị chồng nổi chỉ, không bị dùn, không bung, không đứt. - Mới 100%

1.3. Các yêu cầu khác:

- Nhà thầu cam kết sửa chữa, thay thế sản phẩm bị lỗi, thời gian sửa chữa, thay thế ≤ 10 ngày kể từ ngày có yêu cầu từ chủ đầu tư

- Nhà thầu đính kèm bản scan từ bản gốc hoặc bản chứng thực: Phiếu kết quả thử nghiệm chất liệu vải của Trung tâm thí nghiệm dệt may thuộc phân viện dệt may Việt Nam hoặc cơ quan chức năng hợp pháp khác (có chức năng kiểm nghiệm vải) đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật Chương V E-HSMT. Thời gian thử nghiệm thể hiện trên Phiếu tính từ tháng 1 năm 2026 đến thời điểm đóng thầu và cung cấp bản chính để đối chiếu khi có yêu cầu từ chủ đầu tư

- Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2015 hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực may mặc còn hiệu lực; Các sản phẩm kinh doanh được chứng nhận : phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT đối với các sản phẩm dệt may

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.

- Nhà thầu có cam kết khắc phục và chỉnh sửa hàng hoá trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.

** Lưu ý: Nhà thầu phải scan tài liệu từ bản gốc hoặc bản sao được chứng thực kèm theo E-HSMT và còn hiệu lực sử dụng, Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của các tài liệu cung cấp trước pháp luật. Nhà thầu phải cung cấp bản gốc để đối chiếu để chứng minh các tài liệu đã kê khai trong E-HSMT trong quá trình đối chiếu tài liệu (trong trường hợp có nhà thầu trúng thầu)*

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.

- Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.

- Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Nhà thầu thanh toán.

- Những hàng hoá không đạt yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm Nhà thầu phải thay thế bằng những hàng hoá khác tương ứng cho đến khi được Chủ đầu tư chấp nhận.